

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-PT
Ngày 13 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan, bà Điều Thị Kim Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 38/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp vốn*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Và Sênh T. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. (nay là Bản N, xã C, tỉnh Sơn La). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lường Xuân Q. Địa chỉ: Tiểu khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. (nay là Tiểu khu E, xã T, tỉnh Sơn La). Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Lường Xuân Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, ông Và Sênh T góp vốn số tiền 100.000.000 đồng vào Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái Huổi Liệp do ông Lường Xuân Q làm Giám đốc, ông Lường Xuân Q là người trực tiếp nhận tiền và ký với tư cách giám đốc Hợp tác xã.

Trưởng bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La chỉ thông báo bằng miệng với ông V Sính Thào rằng ông T là thành viên hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái H.

Kể từ ngày 24/5/2017 cho đến nay, với tư cách là thành viên hợp tác xã T1. Nhưng Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái Huổi Liệp không tổ chức cuộc họp nào của hợp tác xã, ông Và Sính T chưa nhận được bất kỳ thông báo nào và không có cuộc họp nào bàn về phương án sử dụng vốn, không nhận được báo cáo tài chính nào hay lợi nhuận nào từ hợp tác xã. Thực tế hợp tác xã đầu tư trồng rừng ở đâu cũng không biết.

Ông Và Sính T cho rằng số tiền góp vốn ông Lường Xuân Q đã tự ý sử dụng vào mục đích cá nhân, ông Q đã chiếm dụng tiền của ông, vi phạm nội dung thỏa thuận góp vốn.

Ông Và Sính T yêu cầu ông Lường Xuân Q phải thanh toán cho ông một lần toàn bộ số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi tương ứng với số tiền là 11.993.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 11.580.000 đồng, lãi quá hạn là 413.000 đồng).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Lường Xuân Q trình bày như sau:

Ông Lường Xuân Q thừa nhận: Ngày 24 tháng 5 năm 2017, ông có nhận và thu của ông Và Sính T là thành viên Hợp tác xã số tiền 100.000.000 đồng, nội dung là góp vốn vào Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái Huổi Liệp do ông Q làm Giám đốc, người giao tiền ký tên Và Sính T, người nhận tiền là ông Lường Xuân Q với tư cách Giám đốc Hợp tác xã.

Ông Lường Xuân Q không nhất trí thanh toán cho ông V Sính Thào số tiền là 100.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với số tiền là 11.993.000 đồng với lý do ông Và Sính T vay tiền ngân hàng cho hợp tác xã nên có nguồn thu từ hợp tác xã ông Lường Xuân Q mới trả tiền cho ông Và Sính T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự. Tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Sơn La), tỉnh Sơn La đã Căn cứ vào Điều 117; Điều 118; Điều 280; Điều 351; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Lương Xuân Q phải trả cho ông V Sênh Thảo số tiền 111.993.000 đồng (một trăm mười một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi 11.993.000 đồng (mười một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Do không nhất trí bản án sơ thẩm, ngày 30/5/2025, bị đơn ông Lương Xuân Q kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị đơn không phải trả tiền cho nguyên đơn, Hợp tác xã phải trả tiền cho nguyên đơn và chịu tiền án phí, triệu tập Ngân hàng tham gia tố tụng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Lương Xuân Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lương Xuân Q giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Sơn La).

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông V Sênh Thào khởi kiện ông Lường Văn Q1 với tư cách là Giám đốc Hợp tác xã T1, trả lại tiền góp vốn, số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi 10%/năm. Bị đơn ông Lường Xuân Q có địa chỉ tại tiểu khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi xét xử, do không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Lường Xuân Q có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lường Xuân Q:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo bị đơn không phải trả tiền cho nguyên đơn, Hợp tác xã phải trả tiền cho nguyên đơn và nộp tiền án phí.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, ông V và Sênh T góp vốn số tiền 100.000.000 đồng do ông Lường Xuân Q - Làm Giám đốc Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái H, ông Lường Xuân Q là người trực tiếp nhận tiền và ký với tư cách giám đốc. Các đương sự thống nhất thực hiện góp vốn số tiền 100.000.000 đồng vào mục đích trồng rừng và kinh tế du lịch sinh thái. Tuy nhiên sau khi ông Lường Xuân Q với tư cách là giám đốc Hợp tác xã T1 đã trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng của ông V và Sênh T. Ông Q không thực hiện các nguyên tắc kế toán, tổ chức, hoạt động theo quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của hợp tác xã, vi phạm quy định khoản 3 Điều 7; Điều 12 Luật hợp tác xã năm 2012. Khi góp đủ vốn, thành viên hợp tác xã được hợp tác xã cấp giấy chứng nhận vốn góp. Song ông V và Sênh T không được Hợp tác xã cấp giấy chứng nhận góp vốn được quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 Luật Hợp tác xã năm 2012 liên quan đến việc vốn góp để xác lập tư cách thành viên; giấy chứng nhận vốn góp; chia lãi; trả lại vốn góp khi ra Hợp tác xã hoặc chấm dứt tư cách thành viên. Không có sổ thông tin chi tiết vốn góp của từng thành viên trong đó có ông T: số tiền, ngày góp, hình thức góp, tình trạng lũy kế đến hiện tại. Ghi nhận mức độ sử dụng dịch vụ của từng thành viên làm cơ sở phân phối lợi nhuận. Xác định thu nhập sau thuế, phân bổ vào các quỹ (quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi), và phân chia cho thành viên đúng theo tỷ lệ quy định của hợp tác xã. Hợp tác xã không hoạt động theo

quy định Điều 29 cơ cấu tổ chức Hợp tác xã, không có đại hội thành viên, không có ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên Hợp tác xã; không tổ chức đại hội thành viên theo quy định Điều 30 Luật Hợp tác xã; không triệu tập đại hội thành viên theo quy định tại Điều 31; Điều 32 Luật hợp tác xã; không thành lập ban kiểm soát, kiểm soát viên theo quy định Điều 39 Luật hợp tác xã. Không tổ chức cuộc họp nào của hợp tác xã, ông Và Sếnh T không nhận được bất kỳ thông báo nào và không có cuộc họp nào bàn về phương án sử dụng vốn, không nhận được báo cáo tài chính nào hay lợi nhuận nào từ Hợp tác xã. Theo Luật hợp tác xã thì ông Và Sếnh T không phải là thành viên của Hợp tác xã, không phát sinh quyền nghĩa vụ của thành viên Hợp tác xã theo điều lệ Hợp tác xã và Luật Hợp tác xã.

Ông Lường Xuân Q cho rằng: Số tiền 100.000.000 đồng, ông Q có nhận và thu của ông Và Sếnh T, ông Q đầu tư vào trồng rừng, khôi phục lại rừng, được liệu tại các xã C (khu H), xã C, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La. Nhưng căn cứ vào kết quả xác minh tại Ban quản lý rừng đặc dụng phòng hộ huyện T, tỉnh Sơn La: Tại khu H (KM số 09+800 tỉnh lộ 108) được giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng phòng hộ huyện T, tỉnh Sơn La quản lý theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh S và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: DC 423642 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/4/2022 cho người sử dụng là Ban Q. Tại báo cáo tài chính Hợp tác xã hàng năm, Hợp tác xã không hạch toán báo cáo góp vốn của ông V Sếnh Thảo vào hợp tác xã liên quan đến ghi nhận và theo dõi số vốn góp của các thành viên, cũng như việc phân phối lợi nhuận và các quỹ của hợp tác xã. Không mở tài khoản, ghi nhận các giao dịch liên quan đến vốn góp của ông Và Sếnh T để lập báo cáo tài chính theo quy định.

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định ông Lường Xuân Q không sử dụng số tiền góp vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng vào Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái H, do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Q.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo triệu tập Ngân hàng tham gia tố tụng với lý do Ngân hàng N chi nhánh huyện T là đơn vị đã tư vấn cho các hộ gia đình, trong đó có ông Và Sếnh T vay vốn để góp vốn vào Hợp tác xã thực hiện việc trồng rừng.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số CM 03.05/2017/HĐTD ngày 22/05/2017 được ký kết giữa Ngân hàng nông Nghiệp N chi nhánh huyện T và ông Và Sếnh T xác định mục đích vay của ông T vay chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, không có tài sản bảo đảm. Số tiền vay

100.000.000 đồng đã buộc ông Và Sếnh T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (án đã có hiệu lực pháp luật). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Và Sếnh T vay vốn tại Ngân hàng N vì mục đích góp vốn vào Hợp tác xã trồng rừng kinh tế du lịch sinh thái H. Mặt khác, nguyên đơn ông Và Sếnh T xác định yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Lường Xuân Q liên quan đến quan hệ cá nhân, không liên quan đến Ngân hàng N. Do đó, yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án triệu tập Ngân hàng tham gia tố tụng của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lường Xuân Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lường Xuân Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002753 ngày 16/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2025).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 2;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KTNV, TT và THA;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền